

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sinh viên bậc đại học hệ chính quy khóa tuyển sinh 2021, 2022, 2023, 2024 được xét hưởng chính sách miễn học phí, học kỳ I năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 06/5/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ hồ sơ xin xét miễn, giảm học phí của sinh viên các khóa tuyển sinh 2021, 2022, 2023, 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét và công nhận 68 sinh viên hệ chính quy, khóa tuyển sinh 2021, 2022, 2023, 2024 thuộc diện miễn học phí học kỳ I năm học 2024 - 2025 (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Phòng Kế hoạch - Tài chính căn cứ định mức lộ trình học phí trong từng năm học theo chương trình đào tạo chính thức của ngành học, để giải quyết chế độ miễn, giảm học phí cho những sinh viên có tên trong danh sách đính kèm theo Quyết định.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và những sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.//

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- Lưu: VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Võ Văn Minh

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CHÍNH QUY KHÓA TUYỂN SINH 2021, 2022, 2023, 2024
ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH MIỄN HỌC PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN HỘ NGHÈO, CẶN NGHÈO
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024-2025 - THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP NGÀY 27/08/2021 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 23331 /QĐ-DHSP, ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu trước khi đi học	TÊN LỚP	Tên ngành học	Khoa	Khóa TS	Đối tượng Miễn, giảm	Chế độ Miễn, giảm	Ghi chú
1	3160121023	Y Hồng	Nữ	19/07/2003	Sa Thầy, Kon Tum	21SGC	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Chính trị	2021	DT-Nghèo	100%	Ha-lăng
2	3160121026	Siu Lan	Nữ	17/05/2003	Chư Prông, Gia Lai	21SGC	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Chính trị	2021	DT-Cận nghèo	100%	Jrai
3	3160122009	Riah Khôi	Nam	03/03/2004	Nam Giang, Quảng Nam	22SGC	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Chính trị	2022	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
4	3170422068	Tàng Thị Phương	Nữ	10/03/2004	Krông Pắc, Đắk Lắk	22CBC1	Báo chí	Ngữ văn	2022	DT-Cận nghèo	100%	Nùng
5	3180122043	Poloong Thị Say	Nữ	15/11/2004	Tây Giang, Quảng Nam	22SLS	Sư phạm Lịch sử	Lịch sử	2022	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
6	3180122050	Alăng Thị Thôi	Nữ	12/10/2004	Tây Giang, Quảng Nam	22SLS	Sư phạm Lịch sử	Lịch sử	2022	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
7	3220122217	Y - Phi	Nữ	23/09/2004	Đắk Glei, Kon Tum	22STH2	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2022	DT-Nghèo	100%	Dẻ
8	3220122330	Trần Thị Như Ý	Nữ	26/03/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22STH5	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2022	DT-Cận nghèo	100%	Cơ tu
9	3160523003	Nguyễn Trần Ái Dân	Nữ	13/04/2005	Bắc Trà My, Quảng Nam	23SCD	Giáo dục Công dân	Giáo dục Chính trị	2023	DT-Nghèo	100%	Co
10	3160523049	Lương Thị Mỹ Lê	Nữ	27/02/2005	Quỳ Hợp, Nghệ An	23SCD	Giáo dục Công dân	Giáo dục Chính trị	2023	DT-Cận nghèo	100%	Thái

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Họ khẩu trước khi đi học	TÊN LỚP	Tên ngành học	Khoa	Khóa TS	Đối tượng Miễn, giảm	Chế độ Miễn, giảm	Ghi chú
11	3240423016	Arát Hoài	Nam	27/07/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23SAN	Sư phạm Âm nhạc	Giáo dục Nghệ thuật và Thể chất	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
12	3240423027	Coor Liu	Nữ	20/06/2001	Nam Giang, Quảng Nam	23SAN	Sư phạm Âm nhạc	Giáo dục Nghệ thuật và Thể chất	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
13	3240623059	A Lăng Ly	Nam	18/11/2004	Nam Giang, Quảng Nam	23SGT	Giáo dục thể chất	Giáo dục Nghệ thuật và Thể chất	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
14	3180723083	Ploong Thị Bông Sen	Nữ	22/04/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23SLD1	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Lịch sử	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
15	3180723104	Alăng Thị Tớt	Nữ	19/06/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23SLD1	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Lịch sử	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
16	3220123114	Cơ Sĩ Thị Hiền	Nữ	28/01/2005	Nam Giang, Quảng Nam	23STH1	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
17	3220123160	Alăng Thị Kim	Nữ	23/03/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23STH1	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
18	3220123333	Poloong Thị Thị	Nữ	09/03/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23STH3	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
19	3220123340	Hồ Thị Thu	Nữ	15/10/2005	Phước Sơn, Quảng Nam	23STH3	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2023	DT-Nghèo	100%	Ka dong
20	3220123213	Bnướch Thị Múu	Nữ	05/02/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23STH5	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
21	3220123226	A Lăng Năm	Nam	05/05/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23STH5	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2023	DT-Cận nghèo	100%	Cơ tu

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu trước khi đi học	TÊN LỚP	Tên ngành học	Khoa	Khóa TS	Đổi tương Miến, giảm	Chế độ Miến, giảm	Ghi chú
22	3220123291	Alăng Thị Phiếu	Nữ	01/01/2005	Tây Giang, Quảng Nam	23STH5	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
23	3220123300	Bhỉnh Thị Quuyền	Nữ	18/03/2005	Tây Giang, Quảng Nam	23STH6	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
24	3230123086	Blúp Thị Luy	Nữ	08/05/2005	Tây Giang, Quảng Nam	23SMN1	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
25	3230123136	A Lăng Quuyền	Nữ	26/05/2005	Nam Giang, Quảng Nam	23SMN4	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	2023	DT-Cận nghèo	100%	Cơ tu
26	3110124092	Giang Thị Minh Khoa	Nữ	07/06/2005	Mang Yang, Gia Lai	24ST2	Sư phạm Toán học	Toán	2024	DT-Cận nghèo	100%	Bana
27	3110524012	La Thị Mỹ Hòa	Nữ	02/01/2006	Vân Canh, Bình Định	24CKDL	Khoa học dữ liệu	Toán	2024	DT-Cận nghèo	100%	Ba na
28	3120124019	Hoàng Anh Quang	Nam	05/07/2005	Trà Bồng, Quảng Ngãi	24SP.T	Sư phạm Tin học	Tin học	2024	DT-Nghèo	100%	Tây
29	3140724016	Thành Dương Châu	Nữ	04/08/2006	Thuận Bắc, Ninh Thuận	24SKT1	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Hóa học	2024	DT-Cận nghèo	100%	Chánh Phàn
30	3140724071	Kim Thị Ngọc Phương	Nữ	19/06/2006	Quỳ Hợp, Nghệ An	24SKT1	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Hóa học	2024	DT-Cận nghèo	100%	Thái
31	3150124022	Lữ Thị Thùy Trang	Nữ	10/11/2006	Quỳ Châu, Nghệ An	24SS	Sư phạm Sinh học	Sinh - Môi trường	2024	DT-Nghèo	100%	Thái
32	3160124020	Hoàng Thị Trang	Nữ	16/06/2006	Vân Bàn, Lào Cai	24SGC	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Chính trị	2024	DT-Cận nghèo	100%	Tây
33	3160124022	Ka Phu Giang	Nam	26/06/2005	Nam Giang, Quảng Nam	24SGC	Giáo dục chính trị	Giáo dục Chính trị	2024	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
34	3160524003	Đình Gia Bảo	Nam	21/07/2006	Đông Giang, Quảng Nam	24SCD	Giáo dục Công dân	Giáo dục Chính trị	2024	DT-Nghèo	100%	Cơ tu

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hệ khẩu trước khi đi học	TÊN LỚP	Tên ngành học	Khoa	Khóa	Đối tượng Miễn, giảm	Chế độ Miễn, giảm	Ghi chú
35	3160524005	Hồ Thị Linh Chi	Nữ	16/01/2006	Hương Hóa, Quảng Trị	24SCD	Giáo dục Công dân	Giáo dục Chính trị	2024	DT-Nghèo	100%	Văn Kiếu
36	3160524019	Nguyễn Thị Thu Huệ	Nữ	14/08/2006	Bá Thước, Thanh Hoá	24SCD	Giáo dục Công dân	Giáo dục Chính trị	2024	DT-Nghèo	100%	Mường
37	3160624027	Hồ Văn Nhân	Nam	06/01/2003	Bắc Trà My, Quảng Nam	24SGT	Giáo dục thể chất	Giáo dục Nghệ thuật và Thể chất	2024	DT-Nghèo	100%	Ca dong
38	3160624036	Zo Râm Thị Tâng	Nữ	25/04/2006	Đông Giang, Quảng Nam	24SGT	Giáo dục thể chất	Giáo dục Nghệ thuật và Thể chất	2024	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
39	3160624044	Coor Vina	Nữ	24/03/2006	Nam Giang, Quảng Nam	24SGT	Giáo dục thể chất	Giáo dục Nghệ thuật và Thể chất	2024	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
40	3170724007	Lô Thái Bảo	Nam	21/03/2006	Tương Nghệ An, Dương	24CQCC	Quan hệ công chúng	Ngữ văn	2024	DT-Nghèo	100%	Thái
41	3180124019	Lê Thị Hoa	Nữ	12/01/2005	Sơn Hòa, Phú Yên	24SLS	Sư phạm Lịch sử	Lịch sử	2024	DT-Nghèo	100%	Hroi
42	3180724058	Nông Thị Khánh Ngọc	Nữ	14/07/2006	la Grai, Gia Lai	24SLD1	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Lịch sử	2024	DT-Cận nghèo	100%	Nùng
43	3180724097	Bhonoroch Thị Trọng	Nữ	19/08/2006	Tây Giang, Quảng Nam	24SLD1	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Lịch sử	2024	DT-Cận nghèo	100%	Cơ tu
44	3190124015	Hồ Thị Mỹ Trinh	Nữ	22/02/2006	Đakrông, Quảng Trị	24SDL	Sư phạm Địa lý	Địa lý	2024	DT-Nghèo	100%	Pa cô
45	3190124019	Nguyễn Văn Tuyển	Nam	21/09/2005	Như Xuân, Thanh Hoá	24SDL	Sư phạm Địa lý	Địa lý	2024	DT-Nghèo	100%	Thái

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu trước khi đi học	TÊN LỚP	Tên ngành học	Khoa	Khóa TS	Đổi tương Miến, giảm	Chế độ Miến, giảm	Ghi chú
46	3190124025	Tơ Ngồi Thị Mai	Nữ	21/06/2005	Nam Giang, Quảng Nam	24SDL	Sư phạm địa lý	Địa lý	2024	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
47	3200324024	Hồ Văn Lân	Nam	02/09/2006	Phước Sơn, Quảng Nam	24CTXH	Công tác xã hội	Tâm lý - Giáo dục	2024	DT-Cận nghèo	100%	Gié Triêng
48	3220124163	Hồ Thị Ngân	Nữ	27/10/2006	Đakrông, Quảng Trị	24STH2	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2024	DT-Nghèo	100%	Văn Kiền
49	3220124338	Moong Thị Hạnh	Nữ	05/12/2005	Kỳ Sơn, Nghệ An	24STH3	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2024	DT-Nghèo	100%	Khơ mú
50	3220124358	Ălăng Thị Hiền	Nữ	21/09/2005	Đông Giang, Quảng Nam	24STH3	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2024	DT-Cận nghèo	100%	Cơ tu
51	3220124107	Vĩ Thị Khen	Nữ	13/04/2006	Quan Sơn, Thanh Hoá	24STH5	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2024	DT-Cận nghèo	100%	Thái
52	3220124335	Đinh Thị Mỹ Duyên	Nữ	01/09/2005	Hoài Ân, Bình Định	24STH5	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2024	DT-Cận nghèo	100%	Ba Na
53	3220124354	Ksor H' Pham	Nữ	25/09/2005	Krông Pa, Gia Lai	24STH5	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2024	DT-Cận nghèo	100%	Jrai
54	3220124041	Ksor Đét	Nam	27/04/2006	Chư Păh, Gia Lai	24STH6	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2024	DT-Cận nghèo	100%	Gia Răi
55	3220124339	Lô Nhật Hiếu	Nữ	26/02/2005	Quế Phong, Nghệ An	24STH6	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2024	DT-Cận nghèo	100%	Thái
56	3220124359	Cơ Sĩ Thị Hòa	Nữ	28/01/2005	Nam Giang, Quảng Nam	24STH6	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2024	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
57	3220124365	Hóih Ný Ný	Nữ	14/11/2003	Đông Giang, Quảng Nam	24STH6	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2024	DT-Nghèo	100%	Cơ ru
58	3220124357	Mai Văn Hậu	Nam	22/03/2005	Vân Canh, Bình Định	24STH7	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2024	DT-Cận nghèo	100%	Chăm
59	3220124362	Hving Hồ Nga	Nữ	22/01/2005	Sông Hình, Phú Yên	24STH7	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2024	DT-Cận nghèo	100%	Ê đê

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu trước khi đi học	TÊN LỚP	Tên ngành học	Khoa	Khóa	Đối tượng Miễn, giảm	Chế độ Miễn, giảm	Ghi chú
60	3220224075	Cam Thị Thúy Vân	Nữ	31/10/2006	Kbang, Gia Lai	24STC1	Su phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	2024	DT-Cận nghèo	100%	Nùng
61	3230124027	Ka Hiên Thị Đom	Nữ	13/10/2005	Nam Giang, Quảng Nam	24SMN1	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	2024	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
62	3230124074	Alăng Thị Lan	Nữ	30/11/2006	Đông Giang, Quảng Nam	24SMN1	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	2024	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
63	3230124147	Bhnuóch Thị Tép	Nữ	22/09/2006	Đông Giang, Quảng Nam	24SMN1	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	2024	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
64	3230124163	Alăng Thị Phương	Nữ	27/10/2006	Đông Giang, Quảng Nam	24SMN1	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	2024	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
65	3230124207	Mai Hoàng Thảo Vi	Nữ	23/07/2006	Mang Y ang, Gia Lai	24SMN1	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	2024	DT-Cận nghèo	100%	Tày
66	3230124087	Alăng Thị Lý	Nữ	02/04/2006	Đông Giang, Quảng Nam	24SMN2	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	2024	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
67	3230124051	Y Sun Hi	Nữ	22/12/2006	Đắk Glei, Kon Tum	24SMN3	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	2024	DT-Cận nghèo	100%	Dẻ
68	3230124016	Arát Thị Chang	Nữ	27/07/2006	Đông Giang, Quảng Nam	24SMN4	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	2024	DT-Nghèo	100%	Cơ tu

Tổng cộng: - 68 sinh viên (43 sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, 25 sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo) được miễn học phí trong năm 2024 (giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo chỉ có giá trị đến 31/12/2024).

- Từ học kỳ II/2024-2025 trở đi sinh viên phải bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo năm 2025 mới được tiếp tục hưởng chế độ miễn học phí.

Ghi chú:

- Đối với những môn học đăng ký học lần đầu: sinh viên được miễn, giảm học phí.
- Đối với những môn học đăng ký học lần thứ hai trở đi hoặc đăng ký học cải thiện điểm: sinh viên phải đóng 100% học phí.



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PGS. TS. Võ Văn Minh